

Bản án số: **237/2025/DS-PT**

Ngày: 08-5-2025

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh và hợp đồng thế
chấp quyền sử dụng đất”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Trần Văn Kiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Ngọc Thanh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/4/2025, ngày 28/4/2025 và ngày 08/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2024/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X;

Địa chỉ: Số B T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và Phát triển.

Địa chỉ: Tầng A, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số B T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Mạnh T: Ông Nguyễn Văn H
- Giám đốc ngân hàng Thương mại Cổ phần X (TMCP) Thịnh Vượng và Phát triển Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông Hồ Minh T1 - Chuyên viên KHCN (vắng mặt) và ông Trần Thanh S - Chuyên viên Khôi xử lý nợ (có mặt) của Ngân hàng TMCP X Chi nhánh Đ; Địa chỉ: Số A - A, N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị Q, sinh năm 1933;

2.2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 (có mặt ngày 28/4/2025);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B: Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1960 (có mặt); Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Dương Thị Kim L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Võ Văn D, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Nhật T2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Văn phòng C1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, đường N, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Nguyễn An K, sinh năm 1962 (có mặt ngày 28/4/2025);

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X (viết tắt là Ngân hàng P1 hay Ngân hàng) do anh Trần Thanh S đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của chị Dương Thị Kim L, thanh toán một lần số tiền tạm tính đến ngày 04/11/2022 là 1.174.128.639 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi là 874.128.639 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất phát sinh trong Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 022/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ngày 17/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo

lãnh trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng (viết tắt là QSD) đất tổng diện tích 11.910m², mục đích sử dụng trồng lúa, thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số L678234 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T cấp ngày 18/6/1998, số vào sổ 02323 QSDĐ/A6 (viết tắt là Thửa 746), theo hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 22B); Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.449m², mục đích sử dụng đất Thổ 300m², đất vườn 1.149 m², thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số W399518 do UBND huyện C cấp ngày 28/10/2003, số vào sổ 00518 QSDĐ/1535/QĐ-UB (viết tắt là Thửa 1714) theo hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 22C). Mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với tài sản, mọi khoản tiền bảo hiểm nộp cho tài sản đều thuộc tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đại diện cho Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của chị Dương Thị Kim L, số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 1.304.066.139 đồng và xử lý các tài sản thế chấp theo quy định.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B do ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền trình bày: Kể từ ngày 27/11/2006 đến 07/5/2009 bà Q có cho ông Nguyễn An K là Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Nghĩa P ngụ tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp mượn 02 giấy QSD đất gồm: Giấy chứng nhận QSD đất diện tích 1.449m², đất vườn thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 04, cấp cho bà Nguyễn Thị Q đứng tên ngày 28/10/2003 và Giấy chứng nhận QSD đất diện tích 11.910m², đất lúa thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã M do UBND huyện T, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Q ngày 18/6/1998, hạn sử dụng là 20 năm giấy đã hết hạn gần 6 năm.

Đến 2009 DNTN Nghĩa Phương của ông Nguyễn An K làm ăn thua lỗ, nên bà Nguyễn Thị Q và cháu ngoại bà là ông Nguyễn Nhật T2 cùng hộ đòi ông K phải trả 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên lại. Ông K cứ hẹn không trả cho đến ngày 07/05/2009 ông K nợ xấu không vay được nữa. Đến ngày 16/01/2012 ông K mượn tài sản của ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị C nhưng ông K không đứng vay được. Ông K mượn chị Dương Thị Kim L đứng vay hộ (vay dùm) cho ông K theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 022/2012/HĐHM/NH/TN/PGB ngày 17/01/2012 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 022) tại Ngân hàng TMCP X Chi nhánh Đ. Theo giấy nhận nợ của chị L ngày 18/01/2012, ông K mượn tài sản ông L1 và bà C ghép cùng 02 giấy chứng nhận

QSD đất của bà Q để cho chị L đứng vay dùm cho ông K là 800.000.000 đồng. Trong khi bà Q không còn bảo lãnh cho ông K hay chị L nên bà Q không còn trách nhiệm liên đới trả tiền vay của ông K và chị L. Ngân hàng cho ai vay thì đòi người đó.

Trong quá trình tố tụng ông B đại diện cho bà Q không đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của Ngân hàng, vì bà Q không có ký tên vào hai Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C để bảo đảm khoản vay cho chị L. Bởi vì bà Q không biết chữ, chữ Quế trong hợp đồng là do ai ghi thì ông B không Biết, ông B thừa nhận có ghi họ tên của bà Q. Đồng Thời, yêu cầu Ngân hàng phải trả lại 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên cho bà Q để bà Q đăng ký QSD đất lại, vì giấy chứng nhận QSD đất của bà Q đã hết hạn gần 06 năm.

Đối với việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của chị L thì ông B không đồng ý. Vì theo ông B, hai tài sản thế chấp là tài sản của bà Q chứ không phải tài sản của ông B. Ông B thừa nhận có ký vào hai Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là ký với tư cách thành viên trong hộ bà Q, chứ ông B không bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho chị L. Việc ông B ký vào hai Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là do ông B nghĩ ký để cho ông K đáo hạn Ngân hàng, nên ông B không có xem nội dung trong hợp đồng.

Ông B không có yêu cầu gì đối với Văn phòng C1 đã chứng thực hai Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C. Đối với kết luận giám định dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Q thì bà Q và ông B không có ý kiến, không yêu cầu giám định lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C được công chứng là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trình bày:
Ông D là người thuê đất của bà Nguyễn Thị Q tại thửa đất số 746, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại xã M, xã M, huyện T thuê từ 10 năm nay. Việc ông D thuê đất của bà Q hai bên không có làm hợp đồng thuê đất, chỉ nói miệng, với giá thuê 3.800.000đ/1.300m². Thời hạn trả tiền là trả từng năm, trả vào tháng 8 âm lịch hàng năm. Hiện nay, ông D được biết thửa đất ông D đang thuê canh tác bà Q đang thế chấp tại Ngân hàng và Ngân hàng đang kiện bà Q, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Do việc ông D thuê đất chỉ trả tiền hàng năm cho bà Q và việc thuê không có làm hợp đồng thuê đất, nên ông D thấy quyền lợi của ông D không bị ảnh hưởng trong vụ án. Ông D cam kết nếu thửa đất có bị phát mãi để thi hành án thì ông D đồng ý giao đất lại cho bà Q. Ông D xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhật T2 do ông Nguyễn Văn B đại diện trình bày:** Anh T2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 có văn bản ý kiến trình bày:** Các Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định. Hình thức và nội dung của hợp đồng, giao dịch đúng theo quy định của pháp luật về công chứng, nên Văn phòng C1 không có ý kiến gì đối với vụ án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Kim L có văn bản ý kiến trình bày:** Chị L là cháu của ông Nguyễn An K, chị L thừa nhận có ký vay tiền dùm ông K tại Ngân hàng TMCP X (số tiền bao nhiêu và thời gian nào chị L không nhớ). Chị L biết ông K vay tiền là có thể chấp tài sản đảm bảo, nhưng tài sản của ai thì chị không biết. Khoản nợ theo hợp đồng là của ông K, chị L chỉ ký tên dùm và cũng không có nhận tiền nên chị L không có liên quan gì đến vụ án. Chị L xin được vắng mặt tại Tòa án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn An K:** Ông K có đơn xin vắng mặt tại Tòa án với lý do không có liên quan đến vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và Phát triển.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc tuyên bố hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 được công chứng là vô hiệu.

3. Công nhận các hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B và số 22C cùng ngày 16/01/2012 giữa Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và Phát triển với bà Nguyễn Thị Q.

4. Buộc bà Nguyễn Thị Q phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho chị Dương Thị Kim L số tiền (gốc và lãi) tính đến ngày 27/9/2024 là 1.304.066.139đ (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm ba mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 022/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ngày 17/01/2022 trong phạm vi các tài sản thế chấp.

Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP X, nếu bà Nguyễn Thị Q trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP X có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 22B/2012/HĐBL/PGB và 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 cho bà Nguyễn Thị Q.

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP X và Phát T3 nếu bà Nguyễn Thị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý hoặc thông qua tổ chức khác xử lý tài sản đang thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là:

+ Quyền sử dụng đất tổng diện tích 11.910m², mục đích sử dụng trồng lúa, thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số L678234 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/6/1998 đứng tên bà Nguyễn Thị Q:

+ Quyền sử dụng đất tổng diện tích 1.449m², mục đích sử dụng đất T 300m², đất vườn 1.149m², thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số W399518 do UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/10/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Q.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và phát triển phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 23.600.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng số 0014945 ngày 22 tháng 12 năm 2022. Ngân hàng TMCP X và phát triển được nhận lại 23.300.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định là 1.000.000đ (Một triệu đồng) do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước, nên bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng cho Ngân hàng.

- Về chi phí giám định: Chi phí giám định là 7.650.000đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Nguyễn Văn B đã nộp, thu và đã chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 10/10/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời hủy bản án sơ thẩm số: 253/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Thế H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B. Bởi các căn cứ như: Bà Q không biết chữ và không biết ký tên, chỉ có lãn tay

điều này được thể hiện theo Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà Nguyễn Thị Q với ông Phạm Minh T4 ngày 04/11/2003 (ông H1 đã nộp bản sao y Hợp đồng này cho Tòa án); Dấu vân tay của bà Q trong Hợp đồng thế chấp số 22B/2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 (viết tắt Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C) là không đúng của bà Q, do lời chứng của Công chứng viên Huỳnh Việt T5 chỉ ghi là Bên B (bà Q) chỉ ký vào Hợp đồng chứ không có ghi là Bên B có lăn tay vào Hợp đồng; Theo hộ khẩu thì ông B và anh Nguyễn Nhật T2 chung hộ khẩu với bà Q nhưng QSD đất thửa 746 và thửa 1714 là của cá nhân bà Q và theo Công văn trả lời của UBND huyện C cũng xác định đất thế chấp là của bà Q, không có liên quan đến ông B, việc ông B có ký tên, ghi họ tên ông B và ghi họ tên dùm bà Q vào Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là do phía Ngân hàng yêu cầu ông B thực hiện, vì thời điểm này ông B cùng chung hộ khẩu với bà Q; Chữ ký nháy của bà Đặng Thị N là Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng trong Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C thực tế là không đúng chữ ký của bà N; Tại Tòa án sơ thẩm thì Tòa án có yêu cầu Ngân hàng cung cấp bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C có dấu vân tay của bà Q nhưng Ngân hàng không cung cấp được; Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 là 03 năm, phía bị đơn có yêu cầu Tòa án sơ thẩm xem xét đã hết thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng đối với Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C nhưng không được xem xét, do hết thời hạn 03 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng nên Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C vô hiệu; Lãi suất Ngân hàng tính là không phù hợp, mà cần phải tính lãi theo quy định của pháp luật, phần lãi này được ông H1 tính trong Bảng chiết tính lãi suất của chị Dương Thị Kim L ngày 23/4/2025 mà ông H1 đã nộp cho Tòa án phúc thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X (viết tắt là Ngân hàng) do anh Trần Thanh S đại diện trình bày: Anh S không thống nhất trình bày của ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà Q và ông B như nêu trên. Bởi vì, theo Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C tại Điều 3 có ghi nếu hết thời hạn 36 tháng mà Bên C (chị L) chưa trả hết nợ gốc, lãi, tiền phạt (nếu có) cho Bên A (Ngân hàng) thì việc thế chấp tài sản đương nhiên kéo dài đến khi Bên C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Bên A, hiện nay chị L chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên không được xem là hết thời hiệu khởi kiện; Việc Ngân hàng áp dụng lãi suất tiền vay là trên cơ sở lãi suất do Ngân hàng N1 quy định, ngoài ra các bên cũng đã tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng, nên phải áp dụng lãi suất theo thỏa thuận các bên trong Hợp đồng tín dụng; Đối với dấu vân tay của bà Q có trong Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là do Văn phòng C1 khi công chứng đã yêu cầu bà Q lăn tay nhằm lưu giữ Hợp đồng thế chấp theo quy định nghiệp vụ của Văn phòng C2 đảm bảo tính pháp lý; Các Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C các bên ký kết lưu tại Ngân hàng thì không bắt buộc phải lăn tay, nên Ngân hàng không có lưu giữ Hợp đồng có dấu vân tay mà chỉ có

chữ ký các bên tham gia hợp đồng; Việc giám định dấu vân tay bà Q là do Tòa án sơ thẩm thu thập Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C tại Văn phòng C3 với dấu vân tay thực tế của bà Q để giám định. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Q, ông B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 141/PB-VKS-DS ngày 28/4/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp QSD đất*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bà Q và ông B nộp đơn kháng cáo vào ngày 10/10/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Dương Thị Kim L, ông Võ Văn D, anh Nguyễn Nhật T2 và đại diện hợp pháp của Văn phòng C1 vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 17/01/2012, Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đ ký hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 022/2012 với chị Dương Thị Kim L để chị L vay số tiền 800.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng

đồng ý cho các bên thứ ba dùng tài sản của mình thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho chị L, tài sản thế chấp gồm: Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị C là QSD đất có tổng diện tích 29.400m² thuộc các thửa 803, 801, 1502 được UBND huyện T cấp ngày 22/11/2022 (Tài sản này đã được giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này); Quyền sử dụng đất có diện tích 11.910m², mục đích sử dụng trồng lúa, thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện T cấp ngày 18/6/1998 đứng tên bà Nguyễn Thị Q (viết tắt là thửa 746); Quyền sử dụng đất diện tích 1.449m², mục đích sử dụng đất T 300m², đất vườn 1.149m², thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện C cấp ngày 28/10/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Q (viết tắt là thửa 1714). Sau khi giải ngân số tiền trên thì chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 248/2022/DS-PT ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định buộc chị Dương Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 1.011.191.139 đồng (trong đó vốn gốc 300.000.000 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, chị L không có điều kiện thi hành án, do đó căn cứ theo các hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB và 22C/2012/HĐBL/PGB ngày 16/01/2012 mà bà Q và ông B đã ký kết với Ngân hàng để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho chị L, nên nguyên đơn yêu cầu bà Q và ông B phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho chị L theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết. Bị đơn bà Q và ông B không thống nhất toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, vì bà Q không có ký tên vào hai hợp đồng thế chấp bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ số 22B và số 22C để bảo đảm khoản vay cho chị L, đồng thời yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp này vô hiệu. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thế chấp QSD đất giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn B là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Việc Ngân hàng và ông B, bà Q ký kết hợp Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực chủ thể. Xét về hình thức hợp đồng, các hợp đồng trên đã được công chứng tại Văn phòng C1 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện C và huyện T. Vì vậy, Hợp đồng tuân thủ về hình thức theo các quy định pháp luật. Xét về nội dung Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C thì bà Q tự nguyện đem tài sản của mình thế chấp để bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ mà chị L đã vay bao gồm nợ gốc, lãi, phí, phạt. Thời hạn thế chấp đảm bảo cho khoản vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được kéo dài đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do chị L chưa hoàn thành

nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên việc khởi kiện của nguyên đơn không vi phạm về thời hiệu hợp đồng.

- Việc phía bị đơn cho rằng bà Q không có ký tên hay lăn tay vào Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C là không có cơ sở. Bởi vì, theo Kết quả giám định số 1344/KL-KTHS ngày 09/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ thì dấu vân tay trong Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C (được lưu tại Văn phòng C1) xác định đúng là dấu vân tay của bà Q. Do đó, phía bị đơn trình bày việc bà Q không biết chữ và không có ký tên hay lăn tay vào hợp đồng, hợp đồng được công chứng không đúng quy định pháp luật và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp được công chứng vô hiệu là không có căn cứ để chấp nhận.

Tài sản thế chấp là các QSD đất tại thửa 746 và thửa 1714 được cấp lần đầu ghi là cấp cho bà Nguyễn Thị Q và cho hộ bà Nguyễn Thị Q. Tại Công văn số 7816/UBND-NC ngày 13/11/2023 của UBND huyện T về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện không xác định được thành viên hộ bà Q tại thời điểm cấp giấy. Tại phiên tòa, ông H1 đại diện cho bà Q xác định hai thửa đất trên là của cá nhân bà Q, chồng bà Q đã chết từ trước giải phóng nên không phải tài sản chung của vợ chồng. Ông B đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông T2 cũng xác định tài sản thế chấp là của cá nhân của bà Q, chứ không phải là tài sản của các thành viên hiện đang ở chung trong hộ khẩu của bà Q. Việc ông B có ký tên trên hợp đồng thế chấp là do Ngân hàng yêu cầu vì tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp ông B ở chung hộ khẩu với bà Q. Tại công văn số 1854/CAH-QLHC ngày 26/9/2024 của Công an huyện C xác định tại thời điểm cấp đất cho bà Q thì trong hộ chỉ có bà Q ngoài ra không còn ai khác, nên có căn cứ xác định các tài sản thế chấp bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho chị Lụa là của cá nhân bà Q.

- Do bà Q đã tự nguyện thoả thuận dùng tài sản của cá nhân mình để giao kết hợp đồng thế chấp, nhằm bảo lãnh cho khoản vay của chị L với Ngân hàng, hợp đồng đã có hiệu lực, nên các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Do chị L không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay thì bà Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C và quy định của pháp luật, nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với tài sản thế chấp là QSD đất tại thửa 746 thời hạn sử dụng đất là 20 năm từ thời điểm cấp giấy là năm 1998. Thời điểm bà Q dùng tài sản này thế chấp (năm 2012) thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn, nhưng hiện nay thời hạn sử dụng đất của thửa đất này đã hết hạn. Tại công văn số 7816/UBND-NC ngày 13/11/2023 của UBND huyện T cung cấp thông tin, thửa đất 746 được gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định, nên hợp đồng thế chấp QSD đất đối với thửa đất trên không bị vô hiệu do hết thời hạn sử dụng đất. Ngoài ra, trên đất thửa 1714 có nhà của bà Q, hiện nay nhà đã bỏ trống, không ai sử dụng, theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp số 22C thể hiện mọi diện tích công

trình xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp. Do đó, bà Q thế chấp QSD đất thửa 1714, mặc dù trên đất có nhà bà Q nhưng hợp đồng không bị vô hiệu do các bên có thỏa thuận trong hợp đồng.

- Việc tính lãi của Ngân hàng đối với chị Lua là trên cơ sở Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 022/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với chị L, phù hợp quy định pháp luật, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Từ các căn cứ nêu trên, việc Tòa án sơ thẩm công nhận hiệu lực các Hợp đồng thế chấp số 22B và số 22C, đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B yêu cầu tuyên bố các hợp đồng thế chấp trên vô hiệu là có cơ sở. Do tài sản thế chấp là của cá nhân bà Q và trên hợp đồng thế chấp bên bảo lãnh chỉ có tên của bà Q, nên việc Ngân hàng yêu cầu ông B phải cùng bà Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho chị L là không có căn cứ. Cho nên Tòa án sơ thẩm chỉ buộc bà Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thế H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Q và ông B như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông H1 là không có đủ căn cứ, đồng thời bà Q và ông B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên kháng cáo của bà Q và ông B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, việc Tòa án sơ thẩm chỉ tuyên buộc bà Q phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho chị L số tiền (gốc và lãi) tính đến ngày 27/9/2024 là 1.304.066.139 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng ngày 17/01/2022 trong phạm vi các tài sản thế chấp mà không dẫn chiếu đến bản án dân sự phúc thẩm số: 248/2022/DSPT ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến nghĩa vụ trả nợ vay của chị L cho Ngân hàng là chưa đầy đủ, sẽ gây khó khăn trong thủ tục thi hành án, do đồng thời phát sinh nghĩa vụ trả nợ của chị L và của bà Q cho Ngân hàng theo hai bản án khác nhau khi án có hiệu lực pháp luật. Nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên nhằm đảm bảo thi hành án, theo đó bà Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho chị L trong phạm vi các tài sản của bà Q đã thế chấp cho Ngân hàng trong trường hợp chị L không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo bản án dân sự phúc thẩm số: 248/2022/DSPT ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà Q và ông B thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 158, 160, 161, 227, 228 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 318, 319, 342, 343, 344, 355, 361, 363, 715, 717, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; các Điều 105, 106 của Luật Đất đai 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và Phát triển.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 được công chứng là vô hiệu.

2.3. Công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 giữa Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và Phát triển (viết tắt là Ngân hàng) với bà Nguyễn Thị Q.

2.4. Buộc bà Nguyễn Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho chị Dương Thị Kim L số tiền (gốc và lãi) tính đến ngày 27/9/2024 là 1.304.066.139đ (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm ba mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 đến khi trả xong

nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 022/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ngày 17/01/2022 trong phạm vi các tài sản thế chấp trong trường hợp chị L không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo bản án dân sự phúc thẩm số: 248/2022/DSPT ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng nếu chị Dương Thị Kim L hoặc/và bà Nguyễn Thị Q không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo theo Hợp đồng thế chấp bằng QSD đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 22B/2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 để thu hồi nợ, cụ thể là:

- + Quyền sử dụng đất diện tích 11.910m², mục đích sử dụng trồng lúa, thuộc thửa 746, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số L678234 do UBND huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/6/1998 đứng tên bà Nguyễn Thị Q.

- + Quyền sử dụng đất diện tích 1.449m², mục đích sử dụng đất T 300m², đất vườn 1.149m², thuộc thửa 1714, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận QSD đất số W399518 do UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/10/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Q.

Trong trường hợp chị Dương Thị Kim L hoặc/và bà Nguyễn Thị Q trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp (giải chấp tài sản) theo Hợp đồng thế chấp số 22B/ 2012/HĐBL/PGB và số 22C/2012/HĐBL/PGB cùng ngày 16/01/2012 cho bà Nguyễn Thị Q.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP X nay là Ngân hàng TMCP X và phát triển phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 23.600.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng số 0014945 ngày 22 tháng 12 năm 2022. Ngân hàng TMCP X và phát triển được nhận lại 23.300.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

2.6. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định là 1.000.000đ (Một triệu đồng), do Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi xong, nên bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng cho Ngân hàng.

- Về chi phí giám định: Về chi phí giám định là 7.650.000đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn B phải chịu, ông B đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Vy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi